TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 14-3-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

Ông Đào Văn Nô

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa***: Ông Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 29/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C; địa chỉ: Lô A-5E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh B.

- *Người đại diện hợp pháp*: Ông P - Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

- *Người đại diện hợp pháp*: Bà Đinh Thị Phi Y, sinh năm: 1996; địa chỉ: Số 64/16, khu phố Tây, phường V, thị xã T, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 21-6-2017); có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu A - Trưởng văn phòng Luật sư B; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: Thửa đất số 571, tờ bản đồ số 14, ấp Hóa Nhựt, xã Tân Vĩnh Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông C - Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: 137 đường DDX, tổ 15, khu phố 4, phường Phú Mỹ, thành phố T, tỉnh B (văn bản ủy quyền ngày 26-8-2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Ngọc T - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông S - Quản lý chất lượng của Công ty C; vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 - Chức vụ: Giám đốc sản xuất Công ty TNHH D; vắng mặt;

3. Ông Đào Quang T, sinh năm 1970 - Chức vụ: Quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty TNHH D; có mặt;

4. Ông Thạch Sĩ T, sinh năm 1991; địa chỉ: Công ty C, Lô A-5E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh B; có mặt;

5. Ông Đỗ Khắc L, sinh năm 1985; địa chỉ: Công ty C; địa chỉ: Lô A-5E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh B; có mặt;

6. Ông Y; địa chỉ: Công ty C; địa chỉ: Lô A-5E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh B; có mặt;

Người phiên dịch cho ông Y: Ông D, sinh năm 1977; địa chỉ: Công ty C, Lô A-5E-CN, khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Mỹ Phước 3, phường T, thị xã B, tỉnh B (Ông D cam kết dịch đúng lời trình bày của ông Y); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2017, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – bà Đinh Thị Phi Y trình bày như sau:

Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty Chokwang) và Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) có thỏa thuận ký Hợp đồng nguyên tắc ngày 10-11-2016 để mua bán "sơn, chất cứng, dung môi" với một số nội dung cơ bản của Hợp đồng:

Điều 2 và Mục B Điều 4 quy định "Dafi có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Chokwang trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát hành Hóa đơn cho bên B…"

Mục A Điều 4 quy định "Chokwang có trách nhiệm cung cấp cho Dafi đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa theo đúng Đơn đặt hàng. Trong trường hợp giao hàng không đúng loại sản phẩm đã yêu cầu và/hoặc không đúng màu sắc, không đạt chất lượng do lỗi sản phẩm/ do quy trình do Bên A cung cấp, thì Bên A sẽ thu hồi toàn bộ lô hàng bị lỗi và giao lại toàn bộ hàng hóa đảm bảo chất lượng cho Bên B đồng thời bồi thường thiệt hại cho những chi phí liên quan như nhân công, điện, nước,…"

Quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán ngày 10-11-2016, Chokwang đã giao hàng cho Dafi theo đúng địa điểm và thời hạn đã thỏa thuận, cụ thể như sau:

tt	Ngày giao hàng, hóa đơn	Số Hóa đơn giá trị gia tăng	Trị giá đơn hàng (VND đã có VAT)	Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán (VND)
	28/11/2016	0003905	61.331.836	11-01-2017	62.948.638

	07/12/2016	0004031	1.616.802	18-01-2017	47.898.048
	09/12/2016	0004075	16.144.326		
	16/12/2016	0004171	20.313.051		
	21/12/2016	0004229	11.440.671		
	17/01/2017	0004600	12.278.607		
		0004607	473.887.260		
	18/01/2017	0004616	59.805.042		
Tổng			656.817.595		110.846.686

Thực hiện Hợp đồng, Công ty D đã nhận hàng đúng theo thỏa thuận, không có khiếu nại về số lượng, chất lượng, với tổng tiền hàng là 656.817.595 đồng và đã thanh toán 2 lần với số tiền 110.846.686 đồng qua tài khoản cho Ch, cụ thể ngày 11-01-2017 thanh toán số tiền 62.948.638 đồng, ngày 18-01-2017 thanh toán với số tiền 47.898.048 đồng.

Từ ngày 19-01-2017 đến nay Công ty D không thanh toán thêm khoản nào cho Công ty Ch, dù Công ty Ch đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, Công ty D còn nợ Công ty Ch số tiền 545.970.909 đồng với thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán kể từ là ngày 06-3-2017.

Tiền lãi tính từ ngày 06-3-2017 đến khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là 03 tháng, trên số nợ gốc là 545.970.909 đồng, với lãi suất 0.85%/tháng, thành tiền là: 0.85%/tháng x 545.970.909 đồng x 03 tháng = 13.922.258 đồng.

Ngoài ra, tại Hợp đồng ngày 10/11/2016, hai bên thỏa thuận:

Tại Điều 2 "Vào ngày 1 hằng tháng Bên A sẽ tiến hành gửi đối chiếu công nợ qua email hoặc bằng văn bản cho Bên B để đối chiếu và xác nhận, mỗi bên giữ một bản". Nhưng trong quá trình thực hiện Hợp đồng hai bên chưa tiến hành đối chiếu công nợ.

Tại Điều 8 "Khi có tranh chấp xảy ra mà không thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải thì một trong các bên có quyền đưa vụ tranh chấp ra Tòa án Kinh tế Bình Dương để giải quyết". Nhưng theo quy định của pháp luật hiện hành, vụ tranh chấp Hợp đồng mua bán này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Kinh tế Bình Dương nên Công ty Ch tiến hành khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thị xã T theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu Công ty C đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty TNHH D trả cho Công ty C số tiền là 559.893.167 đồng (trong đó nợ gốc là 545.970.909 đồng và lãi chậm thanh toán là 13.922.258 đồng).

Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản sao Hợp đồng nguyên tắc ngày 10-11-2016 giữa Công ty TNHH D và Công ty C;

+ Bản photocopy có đóng dấu của Công ty C các tài liệu, chứng cứ: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0003905 ngày 28-11-2016, phiếu xuất kho ngày 28-11-

2016, phiếu giao hàng ngày 28-11-2016, phiếu giao hàng ngày 29-11-2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004031 ngày 07-12-2016, phiếu xuất kho ngày 07-12-2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004075 ngày 09-12-2016, phiếu giao hàng ngày 08-12-2016, phiếu xuất kho ngày 09-12-2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004171 ngày 16-12-2016, phiếu xuất kho ngày 16-12-2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004229 ngày 21-12-2016, phiếu xuất kho ngày 21-12-2016, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004600 ngày 17-01-2017, phiếu xuất kho ngày 17-01-2017, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004607 ngày 17-01-2017, phiếu xuất kho ngày 17-01-2017, phiếu giao hàng ngày 16-01-2017, phiếu giao hàng ngày 11-01-2017, phiếu giao hàng ngày 17-01-2017, hóa đơn giá trị gia tăng số 0004616 ngày 18-01-2017, phiếu giao hàng ngày 18-01-2017, phiếu xuất kho ngày 18-01-2017, đơn đặt hàng các ngày 25-11-2016, 07-12-2016, 14-12-2016, 15-12-2016, 21-12-2016, 03-5-2017, 13-5-2017; bản sao chứng từ giao dịch ngày 11-01-2017, bản sao chứng từ giao dịch ngày 18-01-2017;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, sổ bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động của ông Thạch Sỹ T và ông Đỗ Khắc L;

+ Bản sao chính sách chi hoa hồng cho người môi giới ngày 05-9-2016;

+ Các bản sao quy trình làm sản xuất màu của Công ty C.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Đ trình bày: Vào ngày 10-11-2016, Công ty C (sau đây gọi tắt là Công ty Chokwang) và Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa theo đó Công ty Chokwang bán cho Công ty D các loại sơn, chất cứng và dung môi.

Trong Hợp đồng này hai bên thỏa thuận Công ty Chokwang (Bên A) và Công ty D (Bên B) "Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa theo đúng đơn đặt hàng. Trong trường hợp giao hàng không đúng loại sản phẩm đã yêu cầu và/hoặc không đúng màu sắc, không đạt chất lượng do lỗi sản phẩm/do quy trình do Bên A cung cấp, thì Bên A sẽ thu hồi toàn bộ lô hàng bị lỗi và giao lại toàn bộ hàng hóa đảm bảo chất lượng cho Bên B đồng thời bồi thường thiệt hại cho những chi phí liên quan như nhân công, điện, nước…"

Tuy nhiên, Bên A đã không thực hiện đúng cam kết của Hợp đồng giao cho Bên B những loại sản phẩm không đảm bảo chất lượng dẫn đến các sản phẩm của Bên B xuất cho đối tác đã bị trả về và khách hàng đã yêu cầu Bên B khắc phục những sản phẩm lỗi. Mặc dù đã rất cố gắng sửa chữa những sản phẩm lỗi nhưng khách hàng của Bên B vẫn không vừa lòng và chấm dứt hợp đồng sản xuất với Bên B, vì vậy đã gây cho Bên B những thiệt hại về kinh tế và uy tín.

Vì vậy trước yêu cầu của Công ty C thì Công ty TNHH D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty C.

Bị đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

- Bản sao hóa đơn giá trị gia tăng phiếu thu tiền cước vận chuyển hàng không số 0005537 ngày 28-02-2017;

- Bản sao không ký tên báo cáo chi phí cho một nhân viên đi công tác tại Mỹ từ 26-3-2017 đến ngày 28-4-2017; hóa đơn bán lẻ ngày 23-3-2017;

- Bản sao và bản dịch phiếu thu tiền ngày 30-3-2017; ngày 29-3-2017; ngày 01-4-2017; ngày 02-4-2017; ngày 08-4-2017; ngày 09-4-2017; Biên lai thu tiền ngày 28-4-2017;

- 01 USB màu đen chứa dữ liệu các hình ảnh hàng hóa bị lỗi;

- Bản sao báo cáo chất lượng cụm/sản phẩm sơn – hoàn thiện ngày 16-01-2017;

- Bản photocopy các hình ảnh hàng bị lỗi và nội dung trao đổi zalo giữa Mr. H và ông S;

- Bản photocopy hình ảnh ông Mr. S, ông Mr. Y, ông Mr. T, ông L tại Công ty TNHH D;

- Nội dung thư giữa ông Y và ông T.

Người làm chứng trình bày:

Ông Y là Giám đốc kinh doanh Công ty C. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên tắc Công ty TNHH C đã giao hàng cho Công ty TNHH D theo đúng đơn đặt hàng và nhân viên kỹ thuật của bên Công ty C đã hướng dẫn cho nhân viên Công ty TNHH D pha chế sơn. Trong quá trình sản xuất Công ty TNHH C không nhận được bất kì thông tin hay khiếu nại gì về chất lượng sản phẩm.

Ông Thạch Sĩ T và ông Đỗ Khắc L là nhân viên của Công ty C. Ông T và ông L được Công ty C cử sang Công ty TNHH D để hướng dẫn và giám sát quá trình pha chế sơn của Công ty TNHH D. Trong quá trình làm việc ông Tha và ông Lương không nhận được bất kỳ thông báo hay lập biên bản về chất lượng sơn không đạt.

Ông Đào Quang T là Quản lý chất lượng sản phẩm của Công ty TNHH D: Trong quá trình Công ty TNHH D sử dụng sơn của Công ty C thì sơn trên đá đến nay không xảy ra sự cố gì riêng sơn trễn gỗ thì khách hàng không đồng ý. Khi sử dụng sản phẩm có sự cố Công ty TNHH D không có lập văn bản nhưng có thông báo cho ông Sergio và ông Y biết.

Ông Nguyễn Văn H: Trong năm 2016, Công ty TNHH D có đặt hàng sơn của Công ty C. Nhưng trong quá trình sơn hàng có sự cố nên Công ty TNHH D dừng sử dụng để cùng bên Công ty C tìm cách khắc phục nhưng không được dẫn đến giao hàng trễ cho khách hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu: Nguyên đơn đã giao hàng theo đúng số lượng và chất lượng do bị đơn đặt hàng. Trước khi sản xuất hàng theo đơn đặt hàng cho bị đơn, nguyên đơn, đã sản xuất hàng mẫu và giao cho bị đơn đồng ý thì mới sản xuất hàng theo đơn đặt hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn không nhận được thông báo bằng văn bản từ bị đơn về chất lượng hàng. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc hai bên thỏa thuận trong trường hợp gặp sự cố về chất lượng thì bị đơn phải báo ngay cho nguyên đơn biết bằng văn bản. Tuy nhiên, nguyên đơn đã không nhận

được văn bản thông báo từ bị đơn. Bị đơn cho rằng đã gửi mail cho ông Yang Hoon Seok nhưng trong nội dung mail không thể hiện việc hàng hóa không đạt chất lượng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu: Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi các lý do sau:

Khi hàng hóa có vấn đề bị đơn đã gửi thư điện tử cho nguyên đơn thể hiện rất rõ nội dung sơn có sự cố và nguyên đơn đã cử nhân viên qua sửa chữa nhưng không thành nên bị đơn không sử dụng sản phẩm của nguyên đơn nữa.

Trong quá trình sử dụng sơn nhân viên của bị đơn có giám sát và tại phiên tòa người làm chứng khai không phát hiện sai sót trong quá trình pha chế sơn. Do đó, sơn bị sự cố là do chất lượng sơn. Ngoài ra, sơn do nguyên đơn cung cấp không ghi thời hạn sử dụng.

Việc nguyên đơn bán sơn không đạt chất lượng nên nguyên đơn phải thu hồi sơn và bồi thường thiệt hại cho bị đơn.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Công ty C khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH D nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Theo Hợp đồng nguyên tắc hai bên thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ yêu cầu "Tòa án tỉnh B" để giải quyết. Tuy nhiên, thỏa thuận này không phù hợp quy định của pháp luật vì thẩm quyền giải quyết loại việc này thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện, không thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại Điểm b Khoản 1; Khoản 3 và Khoản 4 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3]. Công ty TNHH D có trụ sở tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh B nên vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng là ông Sergio. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được địa chỉ của người làm chứng nên Tòa án không thể triệu tập được.

[5]. Người làm chứng ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã có lời khai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Bị đơn có đơn phản tố sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án trả lại đơn phản tố của bị đơn. Bị đơn không có khiếu nại về việc trả lại đơn phản tố của Tòa án. Do đó, trường hợp đương sự có tranh chấp về bồi thường thiệt hại do chất lượng hàng hóa sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7]. Ngày 10-11-2016, Công ty C và Công ty TNHH D có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán các loại sơn, chất cứng và dung môi. Các đương sự đã thống nhất hàng hóa, số lượng và tiền hàng Công ty TNHH D chưa thanh toán cho Công ty C là 545.970.909 đồng nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Công ty TNHH D không đồng ý thanh toán tiền nợ hàng cho Công ty C vì chất lượng sơn không đảm bảo chất lượng dẫn đến các sản phẩm xuất cho đối tác đã bị trả về và khách hàng đã yêu cầu khắc phục những sản phẩm lỗi. Mặc dù Công ty TNHH D đã rất cố gắng sửa chữa những sản phẩm lỗi nhưng khách hàng vẫn không đồng ý. Vì vậy đã gây cho Công ty TNHH D những thiệt hại về kinh tế và uy tín.

[9]. Theo Hợp đồng nguyên tắc ngày 10-11-2016 được ký kết giữa Công ty C và Công ty TNHH D tại Điều 4 của Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận "Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa theo đúng Đơn đặt hàng. Trong trường hợp giao hàng không đúng loại sản phẩm đã yêu cầu và/hoặc không đúng màu sắc, không đạt chất lượng do lỗi sản phẩm/do quy trình do bên A cung cấp, thì Bên A sẽ thu hồi toàn bộ lô hàng bị lỗi và giao lại toàn bộ hàng hóa đảm bảo chất lượng cho bên B đồng thời bồi thường thiệt hại cho những chi phí liên quan như nhân công, điện nước...". Theo Đơn đặt hàng của Công ty TNHH D thì "chất lượng sản phẩm: Sản phẩm phải đạt chất lượng và kích thước yêu cầu". Công ty TNHH D cho rằng chất lượng hàng hóa do Công ty C cung cấp không đạt chất lượng nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh chất lượng sơn không đạt chất lượng. Đồng thời cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi đặt hàng nguyên đơn sản xuất hàng mẫu cung cấp cho bị đơn. Bị đơn đồng ý chất lượng, màu sắc theo hàng mẫu thì nguyên đơn sản xuất cung cấp theo đơn đặt hàng của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều không lưu giữ hàng mẫu để trưng cầu giám định chất lượng hàng hóa có đạt yêu cầu theo như hàng mẫu hay không. Mặc khác, theo thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc hai bên đã thỏa thuận tại mục B quyền và nghĩa vụ của bên B "Trong trường hợp gặp sự cố về chất lượng, Bên B báo ngay cho Bên A biết bằng văn bản đồng thời ngưng sử dụng để Bên A

tiến hành kiểm tra xử lý sự cố.". Tuy nhiên, bên B (Công ty TNHH D) không có văn bản thông báo cho bên A (Công ty C) biết hàng hóa chất lượng không đạt.

[10]. Công ty C yêu cầu Công ty TNHH D trả tiền nợ hàng là có cơ sở chấp nhận.

[11]. Xét tiền lãi, Công ty C yêu cầu Công ty TNHH D trả tiền lãi 13.922.258 đồng. Theo Hợp đồng nguyên tắc các bên không có thỏa thuận về việc trả tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 55 Luật thương mại về thời hạn thanh toán thì bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Công ty C, đã giao hàng và giao chứng từ cho Công ty TNHH D nhưng Công ty TNHH D chưa thanh toán. Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng (theo xác minh của Tòa án là 1,11%/tháng) với thời gian chậm trả. Do đó, Công ty C yêu cầu Công ty TNHH D trả tiền lãi với mức lãi suất 0.85%/tháng là có cơ sở chấp nhận.

[12]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[13]. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty TNHH D về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH D thanh toán cho Công ty C số tiền 559.893.167 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu tám trăm chín mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) trong đó:

Tiền nợ gốc: 545.970.909 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn chín trăm lẻ chín đồng);

Tiền lãi: 13.992.258 đồng (Mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải

thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.150.000 đồng (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013086, ngày 30-6-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh B.

Công ty TNHH D phải chịu án phí là 26.395.726 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THA Dân sự thị xã T;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm